

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2017

V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Kim Vân.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2017/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1974.

- *Bị đơn:* Đặng Phước S, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: số 286, khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh S tổ chức đám cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ Thọ vào năm 2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh S thay đổi. Anh S có quan hệ với người phụ nữ khác nên nhiều lần hạnh hạ, chửi mắng chị. Anh S còn tỏ thái độ không tôn trọng gia đình chị, cấm chị N thăm nom gia đình. Chị N đã cố gắng chịu đựng để giữ hạnh phúc, nhưng anh S không nhận ra sai sót mà ngày càng quá đáng. Nay chị N nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 03 con chung tên Đặng Thị Tuyết M, sinh ngày 20/10/1994; Đặng Thị Yến N, sinh ngày 12/4/1995 và Đặng Minh Q, sinh ngày 16/02/2003.

Hiện nay hai con Tuyết M và Yến N đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Minh Q có nguyện vọng sống với chị N nên chị N đồng ý tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Chị N yêu cầu được tự thỏa thuận với anh S về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh S không có nợ ai và không cho ai nợ.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Về hôn nhân: Trích lục kết hôn số 335/TLKH-BS, ngày 16/6/2017 của UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, nội dung chị N và anh S có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2002.

- Về con chung: 03 Bản sao giấy khai sinh của các cháu M, N và Q; Văn bản ý kiến của cháu Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn và nuôi con, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2017/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2017 cho anh Đặng Phước S là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị N và anh S tổ chức đám cưới năm 1993, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ Thọ. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, hợp pháp.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc, giữa chị N và anh S xảy ra mâu thuẫn. Theo chị N trình bày thì nguyên nhân là từ việc anh S có quan hệ với người phụ nữ khác, tuy nhiên chị N không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra, anh S còn chửi mắng chị N, không tôn trọng gia đình chị, cấm chị thăm nom cha mẹ, anh em. Về phía anh S, khi giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh S tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng

anh S đều vắng mặt. Anh S cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn cũng như những phần trình bày, yêu cầu khác của chị N.

Xét thấy, giữa chị N và anh S không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về nuôi con: Con chung Đặng Thị Tuyết M, sinh ngày 20/10/1994 và Đặng Thị Yến N, sinh ngày 12/4/1995 đã trưởng thành, tự lao động được, chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con chung Đặng Minh Q, sinh ngày 16/02/2003. Trường hợp ba mẹ ly hôn thì cháu Q có nguyện vọng sống với mẹ. Chị N cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N, phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận.

Anh S không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Chị N đề nghị tự thỏa thuận với anh S, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đặng Phước S.
2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi con chung tên Đặng Minh Q, sinh ngày 16/02/2003. Anh Đặng Phước S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Con chung Đặng Thị Tuyết M, sinh ngày 20/10/1994 và Đặng Thị Yến N, sinh ngày 12/4/1995 đã trưởng thành, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị N yêu cầu tự thỏa thuận với anh S, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai số 13189 ngày 31/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, chị N đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND thị trấn Mỹ Thọ;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Phương Thảo